

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST

Ngày: 05-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Công Danh.

2. Ông Trần Văn Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V.](#)

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Li Bao C](#) – Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: [Thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.](#)

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông [Trần Văn A](#), sinh năm 2002.

Địa chỉ: [1 N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.](#)

2. Ông [Lê Minh C1](#), sinh năm 1980.

Địa chỉ: [L Khu dân cư N, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.](#)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2024)

- Bị đơn: [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B.](#)

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Phan Thanh Quốc Đ](#) – Giám đốc.

Địa chỉ: [5 đường T, xã T, huyện B, tỉnh Long An.](#)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V do ông Trần Văn A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chi nhánh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V (sau đây gọi tắt là Công ty V) và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B (sau đây gọi tắt là Công ty B) đã tiến hành ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 17-2022/LN- IWA vào ngày 09/5/2022 về việc Chi nhánh Công ty V cung cấp phụ gia bê tông cho Công ty B. Phương thức giao hàng: Công ty B phải đặt hàng bằng Fax, email hoặc điện thoại trước 24 giờ cho Chi nhánh Công ty V. Chi nhánh Công ty V sẽ chuẩn bị hàng ngay sau khi nhận được đơn đặt hàng và chuyển hàng đến kho của Công ty B chỉ định trong vòng 24 giờ. Thời gian giao hàng: Trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng. Điều khoản thanh toán: Vào ngày 30 hàng tháng, hai Bên tiến hành đối chiếu xác nhận khối lượng thực hiện trong tháng. Giá trị thanh toán dựa trên khối lượng thực tế trên Biên bản giao nhận và nghiệm thu được xác nhận giữa hai bên. Đồng thời, bên B sẽ xuất hóa đơn VAT cho bên A trên cơ sở khối lượng đã xác nhận đó. Công ty B sẽ thanh toán toàn bộ giá trị thể hiện trên hóa đơn trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của Chi nhánh Công ty V. Nếu Công ty B không thanh toán theo đúng thời hạn quy định trong Hợp đồng, Công ty B phải chịu trả lãi suất trả chậm cho Công ty V với mức lãi suất là 17%/năm trên tổng số tiền đã trả chậm, nhưng thời gian thanh toán chậm không quá 05 ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Chi nhánh Công ty V đã thực hiện giao hàng hóa cho Công ty IWA theo đúng nội dung, điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Chi nhánh Công ty V tổng hợp số lượng hàng hóa đã giao theo Phiếu giao hàng ngày 09/5/2022; 13/8/2022; 25/8/2022; 7/11/2022 và thực hiện xuất đầy đủ các Hóa đơn giá trị gia tăng tới Công ty B vào ngày 23/6/2022; 31/8/2022; 30/11/2022. Tuy nhiên, Công ty B liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Theo đó, Chi nhánh Công ty V và Công ty B đã có Biên bản đối chiếu công nợ tính đến hết ngày 27/3/2023 là 321.000.000 đồng (chưa bao gồm 50.000.000 đồng Công ty B thanh toán qua tài khoản cá nhân của Giám đốc Chi nhánh Công ty V vào ngày 01/11/2022). Qua quá trình làm việc, Công ty B mới thanh toán thêm nhiều đợt, tổng cộng là 130.000.000 đồng, còn lại số nợ gốc 211.000.000 đồng chưa thanh toán. Cụ thể như sau: Ngày 01/11/2022, thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; ngày 06/3/2023 thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 31/8/2023 thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 06/11/2023 thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 03/6/2024 thanh toán 20.000.000 đồng. Công ty V đã nhiều lần liên hệ, nhưng đến nay Công ty IWA vẫn chưa được thanh toán. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V số tiền 292.539.918 đồng, trong đó nợ gốc là 211.000.000 đồng và tiền phạt chậm thanh toán từ ngày

24/8/2022 đến ngày 15/8/2024 là 81.539.918 đồng. Đồng thời, Công ty B còn có nghĩa vụ chịu tiền phạt chậm thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 04/3/2025, đại diện Công ty TNHH V xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền còn nợ là 211.000.000 đồng và tiền lãi là 75.227.000 đồng (trên số tiền còn nợ là 211.000.000 đồng tính từ ngày 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm), tổng cộng là 286.227.000 đồng.

Nguyên đơn Công ty TNHH V không yêu cầu tính thêm tiền gốc hoặc bất kỳ khoản tiền lãi nào đối với hợp đồng mua bán nêu trên nên.

Bị đơn là Công ty B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng Công ty B đều vắng mặt không có lý do. Công ty B cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của Công ty B đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty V. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V số tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty B có địa chỉ trụ sở tại xã T, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là Công ty V đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là Công ty B được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Công ty V và Công ty B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty V thấy rằng:

[3.1] Về số tiền gốc chưa thanh toán: Theo hồ sơ thể hiện, Công ty V và Công ty B đã tiến hành ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 17-2022/LN-IWA vào ngày 09/5/2022 về việc Chi nhánh Công ty V cung cấp phụ gia cho bê tông cho Công ty B. Công ty B phải đặt hàng bằng Fax, email hoặc điện thoại trước 24 giờ cho Chi nhánh Công ty V. Chi nhánh Công ty V sẽ chuẩn bị hàng ngay sau khi nhận được đơn đặt hàng và chuyển hàng đến kho của Công ty B chỉ định trong vòng 24 giờ. Thời gian giao hàng: Trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng. Điều khoản thanh toán: Vào ngày 30 hàng tháng, hai Bên tiến hành đối chiếu xác nhận khối lượng thực hiện trong tháng. Giá trị thanh toán dựa trên khối lượng thực tế trên Biên bản giao nhận và nghiệm thu được xác nhận giữa

hai Bên. Đồng thời bên B sẽ xuất hóa đơn VAT cho bên A trên cơ sở khối lượng đã xác nhận đó. [Công ty B](#) sẽ thanh toán toàn bộ giá trị thể hiện trên hóa đơn trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của Chi nhánh [Công ty V](#).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Chi nhánh [Công ty V](#) đã thực hiện giao hàng hóa cho Công ty IWA theo đúng nội dung, điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Chi nhánh [Công ty V](#) đã giao hàng cho [Công ty B](#) theo các Phiếu giao hàng ngày 09/5/2022, 13/8/2022, 25/8/2022, 7/11/2022. Đồng thời, Chi nhánh [Công ty V](#) đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 23/6/2022 số tiền 85.250.000 đồng, ngày 31/8/2022 số tiền 170.500.000 đồng và ngày 30/11/2022 số tiền 85.250.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền [Công ty B](#) phải thanh toán cho [Công ty V](#) là 341.000.000 đồng.

Phía [Công ty TNHH V](#) đã nhiều lần liên hệ yêu cầu [Công ty TNHH B](#) thanh toán số tiền còn thiếu. Nguyên đơn [Công ty TNHH V](#) xác định [Công ty TNHH B](#) có thanh toán thêm nhiều đợt, gồm ngày 01/11/2022, thanh toán số tiền 50.000.000 đồng; ngày 06/3/2023 thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 31/8/2023 thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 06/11/2023 thanh toán 20.000.000 đồng; ngày 03/6/2024 thanh toán ngày 20.000.000 đồng. Tổng số tiền đã thanh toán là 130.000.000 đồng, còn lại số nợ gốc 211.000.000 đồng chưa thanh toán. Hiện [Công ty TNHH B](#) còn nợ [Công ty TNHH V](#) số tiền 211.000.000 đồng tiền gốc.

[Công ty B](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tổ tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng [Công ty B](#) đều vắng mặt không có lý do. [Công ty B](#) cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của công ty đối với yêu cầu khởi kiện của [Công ty V](#).

Thấy rằng, [Công ty V](#) đã thực hiện nghĩa vụ đúng và đầy đủ nội dung của hợp đồng đối với [Công ty B](#). Như đã phân tích nêu trên, [Công ty B](#) còn nợ [Công ty V](#) số tiền là 211.000.000 đồng tiền gốc. [Công ty B](#) không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên cho [Công ty V](#). Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, [Công ty V](#) yêu cầu [Công ty B](#) phải thanh toán số nợ gốc là 211.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi chậm thanh toán: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc số 17-2022/LN- IWA vào ngày 09/5/2022 thì trong trường hợp [Công ty B](#) không thanh toán theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng, [Công ty B](#) phải chịu trả lãi suất trả chậm cho [Công ty V](#) với mức lãi suất là 17%/năm trên tổng số tiền đã trả chậm. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, nên có căn cứ chấp nhận.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, [Công ty B](#) sẽ thanh toán toàn bộ giá trị thể hiện trên hóa đơn trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn giá trị gia tăng

của Chi nhánh [Công ty V](#), gồm các hóa đơn ngày 23/6/2022, 31/8/2022 và ngày 30/11/2022. Do đó, thời gian chậm thanh toán được tính như sau:

Đối với hóa đơn ngày 23/6/2022 tính từ ngày 24/8/2022; đối với hóa đơn ngày 31/8/2022 tính từ ngày 01/11/2022; đối với hóa đơn ngày 30/11/2022 tính từ ngày 31/01/2023. Tuy nhiên, nguyên đơn là [Công ty V](#) chỉ yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc còn lại là 211.000.000 đồng tính từ ngày 31/01/2023 (thời hạn chậm thanh toán đối với hóa đơn cuối cùng ngày 30/11/2022) là có lợi cho bị đơn về số tiền gốc phải tính lãi và thời hạn thanh toán lãi, nên ghi nhận.

Số tiền lãi chậm thanh toán được tính như sau: 211.000.000 đồng x 17%/năm x 25 tháng 05 ngày = 75.227.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền [Công ty B](#) có nghĩa vụ thanh toán cho [Công ty V](#) là 211.000.000 đồng + 75.227.000 đồng = 286.227.000 đồng.

Nguyên đơn là [Công ty V](#) không yêu cầu tính thêm tiền gốc hoặc bất kỳ khoản tiền lãi nào đối với hợp đồng mua bán nêu trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của [Công ty V](#).

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc [Công ty B](#) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của [Công ty V](#) được Tòa án chấp nhận là 286.227.000 đồng x 5% = 14.311.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 50, 55 và 306 Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V](#) đối với [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B](#).

Buộc [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B](#) trả cho [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V](#) số tiền 286.227.000 đồng.

[Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B](#) còn có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm thanh toán cho [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V](#) từ ngày 06/3/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng nguyên tắc số 17-2022/LN- IWA vào ngày 09/05/2022

giữa [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V](#) và [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B](#) cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B](#) phải chịu 14.311.000 đồng án phí sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho [Công ty Trách nhiệm Hữu hạn V](#) 7.313.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 007165 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Công Danh – Trần Văn Tươi

Đoàn Thanh Lâm

